TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ – ST
Ngày 06 - 5- 2022
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Trần Thị Bích Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987, "có mặt"

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 8 năm 2021 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 24/12/2010, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với gia đình anh T tại thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chời bời, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Sau nhiều lần mâu thuẫn, anh T đã tự ý đi làm ăn xa từ

khoảng năm 2012, đến năm 2016 chị cũng về nhà bố mẹ đẻ chị ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh T đi làm ăn xa, anh T cũng không hề liên lạc gì cho chị, thỉnh thoảng anh mới về nhà, khi về vợ chồng cũng không gặp nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có con chung là Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011. Cháu Đăng vẫn ở cùng chị từ khi anh T đi làm ăn xa đến nay. Ly hôn chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đăng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng: Chị và anh T không ai có con riêng.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh T rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh T đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị T1 nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành lấy khai của ông Nguyễn Văn Tẩm, ông Tẩm trình bày: Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn T, vào năm 2010 anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị T, sau khi kết hôn anh T và chị T1 ở chung cùng gia đình nhà ông được khoảng gần 02 năm thì anh T đi làm ăn xa từ đó cho đến nay. Trong thời gian anh T đi làm ăn, có liên lạc về cho gia đình và thỉnh thoảng cũng về nhà. Chị T1 vẫn ở nhà ông làm dâu từ khi anh T đi làm ăn, đến khoảng năm 2016, chị T1 về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay. Ông được biết nguyên nhân anh T đi làm ăn là do vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể thế nào ông không biết. Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T1 có một con chung là cháu Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011. Hiện nay cháu Đăng vẫn ở cùng chị T1.

Thời gian qua ông có nhận được một số giấy tờ của Tòa án gửi cho anh T như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, công văn; Tòa án thông báo cho anh T về việc chị T1 có đơn xin ly hôn, vì vào thời điểm Tòa án giao giấy tờ, anh T không có nhà nên ông đã nhận thay, sau khi nhận giấy thay, ông đã thông báo cho anh T được biết việc chị T1 xin ly hôn anh và chị T1 xin nuôi cháu Đăng nhưng anh T nói anh bận công việc nên không về để ra Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị T1.

Ngày 13 tháng 02 năm 2022, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 24 tháng 12 năm

2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống cùng gia đình anh T ở thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên. Quá trình chung sống, địa phương thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2012, anh T đi làm ăn xa từ đó đến nay thỉnh thoảng mới về. Sau khi anh T đi làm ăn, chị T1 vẫn ở cùng gia đình anh Thên đến khoảng năm 2016, chị T1 về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay; kể từ đó địa phương không còn thấy chị T1 về chung sống cùng gia đình anh T nữa. Còn nguyên nhân cụ thể thế nào địa phương cũng không nắm rõ được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án anh T chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật; chị T1 đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 vì chị T1 không yêu cầu; về án phí chị T1 phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện chị T1 và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 24 tháng 12 năm 2010, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và T là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị T1 đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Đối với anh Nguyễn Văn T đã biết việc chị T1 xin ly hôn, nuôi con chung với anh nhưng anh không có ý kiến gì. Xét, cuộc sống chung giữa chị T1 và anh T không thể tiếp tục vì anh, chị xảy ra mâu thuẫn đã lâu,

hiện tại đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị T1 và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011. Hiện nay cháu Đăng vẫn ở cùng chị T1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T1 tha thiết xin được nuôi con và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt. Để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu Đăng nên giao cháu Đăng cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và đây cũng là nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 vì chị T1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị T1, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 và có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001044 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc; chị T1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Trung Nguyên;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan